TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/DS-ST
Ngày 09 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngân và bà Trần Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-DS, ngày 05/10/2022 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tranh chấp về "*Hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 109/2023/QĐST-DS, ngày 17/5/2023 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đàm Thị VH, sinh năm 1981. Nơi cư trú: số 73/6, đường VK, p3, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

Bị đơn: Ông Dương Vạn H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: tổ 1, ấp MH3, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên bà Đàm Thị VH trình bày: Nguyên trước đây bà với ông H không có họ hàng gì với nhau chỉ quen biết nhau thời gian ở cùng nhà trọ tại huyện Phú Quốc trước mùa dịch xảy ra; bà có cho ông H mượn tiền nhiều lần, không nhớ thời hạn nào, số tiền cho mượn ít nhất là 20.000.000 đồng đến số tiền 80.000.000 đồng, không có làm biên nhận nợ, cho đến ngày 30/10/2020 thì ông H có xác nhận đã vay mượn của bà số

tiền là 140.000.000 đồng nhưng lúc đó cũng chưa có làm giấy tờ gì với nhau. Sau đó ông H có mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng, bà có đưa cho ông H số tiền 02 lần: một lần là 20.000.000 đồng và 01 lần 80.000.000 đồng, không có làm biên nhận, cũng không nhớ thời gian nào cho đến ngày 08/12/2020 thì ông H xác nhận có mượn thêm số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng, phía ông H đã làm biên nhận đề ngày 08/12/2020 tại văn phòng Công ty TNHH TMDV LĐ do anh Nguyễn Thanh S làm chủ, xác định còn nợ của bà tổng cộng các lần vay mượn số tiền là 240.000.000 đồng, có anh Nguyễn Thanh S là người chứng kiến trong tờ biên nhận của ông H viết xác nhận nợ cho bà, lãi suất bình quân mỗi tháng là 2.000.000 đồng (chỉ thỏa thuận bằng miệng), ông H không đóng lãi từ khi làm biên nhận ngày 08 tháng 12 năm 2020 cho đến nay.

Nay bà Đàm Thị VH yêu cầu buộc ông Dương Vạn H trả lại số tiền vay mượn là 240.000.000 đồng và chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện trả nợ từ ngày 30/5/2021 cho đến nay, ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Dương Vạn H trình bày: Nguyên trước đây ông với bà VH không có quan hệ họ hàng gì, không là bạn bè chỉ quen biết nhau thời gian ở cùng nhà trọ Minh Tú tại huyện Phú Quốc vào năm 2019. Ông không có vay tiền nhiều lần như bà H trình bày, lúc đó vào mua dịch Covi19 nên có chạy xe về quê tránh dịch vào thời gian sau ông có gặp bà VH tại thị trấn Phú Mỹ, huyện PT, tỉnh An Giang tại thời điểm đó ông có cần tiền nên có hỏi bà Đàm Thị VH vay số tiền 100.000.000 đồng thì được bà VH đồng ý nhưng với điều kiện phải đến phòng công chứng LĐ (tự là S) để ký nhận tiền, được viết bằng tay trên giấy Caro, do anh Nguyễn Thanh S là người viết dùm nội dung biên nhận nhận tiền, ông thừa nhận là người ký nhận tiền là chữ ký và chữ viết do ông ký và viết họ tên. Sau đó, tại văn phòng Công ty TNHH TMDV LĐ thì do anh S soạn thảo nội dung biên nhận cũng đề ngày 8/12/2020 nhưng ghi bên nhận A (thế chấp) là Dương Vạn H và bên nhận thế chấp là bà Đàm Thị VH có ghi nội dung giao dịch với nhau vào ngày 30/10/2020 bên B giao cho bên A số tiền là 140.000.000 đồng và ngày 08/12/2020 bên B giao cho bên A số tiền là 100.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 240.000.000 đồng; lý do bên A thế chấp cho bên B hai mảnh đất gồm đất ở và đất ruộng tại xã Tân Hòa, huyện PT, tỉnh An Giang thì ông xác định có nội dung thế chấp tài sản này do giấy CNQSDĐ lúc đó do mẹ ông đứng tên, ông có đến phòng công chứng LĐ để làm thủ tục sang tên từ mẹ ruột ông sang cho ông đứng tên nhưng có 01 người anh em ruột không đồng ý ký tên nên không có sang tên được, do đó ông và bà VH có ký tên với nhau phía dưới biên nhận nhận tiền tại phòng công chứng do anh Nguyễn Thanh S soạn sẵn, ông thừa nhận có lăng tay và ký tên ghi họ và tên dưới tờ giấy biên nhận nhận tiền đề ngày 08/12/2020 tại phòng Công ty TNHH TMDV LĐ.

Đối với số tiền ghi nhận trong 02 biên nhận thì bà Đàm Thị VH cung cấp cho Tòa án là không có đưa cho ông số tiền gì, chỉ làm biên nhận vào ngày 08/12/2020, lý do bà VH nói hiện không có đem tiền mặt theo nên hứa sẽ về nhà chuyển khoản cho ông nhưng thời gian lâu không thấy chuyển tiền từ đó ông mới bán chiếc xe 16 chỗ để trả tiền cho Ngân hàng. Nay ông không đồng ý trả tiền cho bà VH theo yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét đối với vụ việc trên.

Người làm chứng anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp Long T, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang trình bày: anh với bà VH và ông H không có họ hàng gì, chỉ biết khi đến văn phòng của Công ty TNHH TMDV LĐ giao dịch, chỉ biết họ là khách hàng. Anh S xác định vào ngày 08/12/2020 tại văn phòng của Công ty TNHH TMDV LĐ của anh phía ông H có kêu anh viết dùm tờ biên nhận nhận tiền (viết tay trên giấy caro) nên anh có viết dùm cho ông H về việc xác nhận ông H có mượn tiền của bà Đàm Thị VH, phía ông H và bà VH có chữ ký tên và viết họ tên vào biên nhận như tờ biên nhận mà Tòa án đưa cho anh đã xem, do các bên đã mượn tiền trước đó, còn việc giao nhận tiền tại thời điểm làm biên nhận thì anh không biết; đối với biên nhận tiền được đánh vi tính thì tại thời điểm đó phía ông H có đến văn phòng của Công ty TNHH TMDV LĐ của anh để làm hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất do giấy CNQSDĐ lúc đó là mẹ của ông H đứng tên, nhưng do có 01 người anh em của ông H không đồng ý ký tên và liên quan đến 01 căn nhà trên đất nên không thể làm thủ tục thế chấp cho bà VH được nên anh có lấy mẫu thế chấp này để làm biên nhận tiền cho phía ông H và bà VH để ký tên xác nhận nhận tiền nên mới đánh vi tính bên nhận A (bên thế chấp) và bên giao B (bên nhận thề chấp) theo mẫu của công ty, chứ không có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất gì giữa đôi bên. Biên nhận nhận tiền anh làm cho mỗi bên giữ một bản, ngoài ra không còn biết gì khác liên quan đến ông H và bà H. Do bận công việc của Công ty nên anh đề nghị Tòa án chấp nhận xin vắng mặt khi Toà án triệu tập tham gia đối chất, phiên hoà giải, xét xử sau này cho đến khi kết thúc vụ án.

Người làm chứng bà Lê Thị N, sinh năm 1975. Nơi cư trú: tổ 6, ấp Vàm N, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang trình bày: Trước đây ông H là người sống tại nhà trọ Phú Quốc nên có kêu bà ra để làm ăn kiếm sống, bà với ông H là bạn cùng xóm (có thời gian trước đây là bạn gái của ông H, hiện nay là không còn bạn gái của ông H) đối với bà Đàm Thị VH là bạn quen biết tại nhà trọ huyện Phú Quốc, sau đó biết bà VH là người cho vay mới giới thiệu cho ông H vay tiền. Thời gian tại Phú Quốc bà cũng có vay mượn của bà VH vài triệu gì đó để bán tạp hóa tại Phú Quốc nhưng đã trả xong cho bà VH thì về huyện PT sinh sống cho đến nay. Trước vài ngày thì bà có liên hệ bà VH nói ông H cần vay tiền nên bà VH đến ngày 08/12/2020 có liên hệ với bà để hẹn ông H tại văn phòng Công ty TNHH TMDV LĐ của anh S để cho mượn tiền. Hai bên bà VH và ông H vào văn phòng của anh S để làm biên nhận với nhau, số tiền vay mượn như thế nào

thì bà không biết lúc đó bà ra bên ngoài nghe điện thoại, sau đó ông H nói xong rồi nên bà có hỏi có nhận tiền xong chưa thì ông H nói chưa, bà mới nói sao kỳ vậy nên có nói chuyện với bà VH thì bà VH nói hiện không có đem tiền mặt theo nên hứa sẽ về nhà chuyển khoản cho ông H nhưng hứa vào khoảng 15 giờ chuyển tiền nhưng không thấy thì ông H có điện cho bà VH nhưng không nghe máy. Bà có vào anh S hỏi sao bà VH không đưa tiền thì được anh S xác nhận cũng không đưa tiền cho ông H, bà chỉ biết bấy nhiêu, ngoài ra không biết gì khác.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Bà Đàm Thị VH khởi kiện yêu cầu ông Dương Vạn H trả lại số tiền vay mượn, Vì vậy Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đôi bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Ông H cũng thừa nhận có ghi biên nhận nợ đề ngày 08/12/2020 có ký tên và ghi họ tên đối với số tiền 240.000.000 đồng của bà VH và đồng thời cùng ngày 08/12/2020 có nhờ anh Nguyễn Thanh S là người của Công ty TNHH TMDV LĐ để làm biên nhận tiền cho phía ông H và bà VH ký tên nhưng cho rằng bà VH chưa đưa tiền nên không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn, ông H cũng không chứng minh cho lời khai của mình; phía bà VH không thừa nhận, bà VH căn cứ vào giấy nhận tiền yêu cầu ông H trả số tiền vay mượn nên có căn cứ chấp nhận đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà VH, buộc ông H chịu trách nhiệm trả nợ cho bà VH số tiền này. Đối với yêu cầu tính lãi suất đề nghị HĐXX xem xét theo quy định về lãi chậm trả thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đàm Thị VH không phải chịu án phí. ông Dương Vạn H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Bà Đàm Thị VH khởi kiện yêu cầu ông Dương Vạn H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: tổ 1, ấp MH3, xã Tân H, huyện PT, tỉnh An Giang trả tiền vốn vay mượn còn nợ được Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Giao dịch dân sự giữa các bên phát sinh vào thời điểm cuối cùng là ngày 08/12/2020 do một bên không thực hiện nghĩa vụ với nhau nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Dương Vạn H được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Dương Vạn H không có mặt tại phiên toà nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Vạn H.

Ông H khai do bà Lê Thị N đã vay mượn của bà Hoa số tiền 140.000.000 đồng, khi ông mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng của bà VH nên bà VH có kêu ông làm biên nhận nợ đề ngày 8/12/2020 tổng cộng số tiền nợ là 240.000.000 đồng cho bà VH nhưng quá trình Toà án làm việc với bà N cũng không có thừa nhận, bà VH cũng không thừa nhận, phía ông H không có gì chứng minh số tiền 140.000.000 đồng là phía bà N vay của bà VH chứ không phải do ông mượn của bà VH nên HĐXX xác định bà N không có quyền và nghĩa vụ gì trong vụ án này nên không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sau này ông H chứng minh được số tiền 140.000.000 đồng là do ông lãnh nợ cho bà Lê Thị N thì ông H sẽ khởi kiện bà N thành vụ kiện khác.

[2] Về nội dung vụ án:

Nội dung tranh chấp giữa đôi bên phát sinh từ giao dịch hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Lời khai của nguyên đơn bà Hoa và bị đơn ông H thống nhất về việc xác lập giao dịch hợp đồng giữa ông H với bà VH; ông H thừa nhận có ký tên và ghi họ tên tại biên nhận nhận tiền đề ngày 08/12/2020 (đồng thời cùng ngày 08/12/2020 có nhờ anh Nguyễn Thanh S là người của Công ty TNHH TMDV LĐ để làm biên nhận tiền cho phía ông H và bà VH ký tên; đối với xác nhận nhận tiền phía dưới ghi bên nhận A (bên thế chấp) và bên giao B (bên nhận thế chấp) do thủ tục chưa xong nên không có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất gì giữa đôi bên và phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng bà N, anh S.

Nhưng ông H cho rằng khi ký tên vào 02 giấy biên nhận nhận tiền thì bà VH không có đưa cho ông số tiền nào hết chỉ làm biên nhận nợ, lý do bà VH nói hiện không có đem tiền mặt nên hứa sẽ về nhà chuyển khoản cho ông, lẻ ra lúc đó ông phải lấy lại các biên nhận nhận tiền đã ký tên xác nhận nợ cho bà VH hoặc buộc bà VH phải ghi cam kết thời gian nào sẽ chuyển khoản như lời khai

của ông trình bày; theo biên nhận thì ông H ký tên, ghi họ và tên, điểm chỉ và xác nhận phía dưới người nhận tiền "*Tôi đã nhận đủ 100.000.000 một trăm triệu đồng*". Mặc khác, ông H khai không có vay tiền nhiều lần như bà VH trình bày nhưng nội dung biên nhận nhận tiền đề ngày 08/12/2020 có ghi nội dung "*Ngày 30/10/2020 tôi đã nhận 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng)*" cho đến ngày làm biên nhận ngày 08/12/2020 vay mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng, hứa thời hạn trả nợ vào ngày 30/5/2021 rõ ràng là các bên có cho vay mượn tiền trước, do vào ngày 08/12/2020 đến tại văn phòng Công ty TNHH TMDV LĐ làm thủ tục thế chấp tài sản là QSDĐ hoặc bán phần đất theo lời khai bà VH tại phiên tòa để đảm bảo số tiền vay như lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Thanh S đã trình bày việc các bên vay tiền là trước đó, vào ngày làm biên nhận anh S cũng không thấy hay biết việc giao nhận tiền của ông H và bà VH.

Vả lại, tại bản tự khai của ông H ngày 26/12/2022 (bút lục số 21) ông H khai do bà Lê Thị N đã vay mượn của bà VH số tiền 140.000.000 đồng, khi ông mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng của bà VH nên bà VH có kêu ông làm biên nhận nợ đề ngày 08/12/2020 số tiền 240.000.000 đồng cho bà H nhưng quá trình Toà án làm việc với bà N cũng không có thừa nhận như vậy các bên đã có giao dịch vay mượn tiền trước đó, việc thoả thuận hay giao kết với nhau ai là người nhận nợ là quyền quyết định của các bên đương sự nhưng phía bà H chỉ căn cứ vào biên nhận nhận tiền đề ngày 08/12/2020 do ông H ký tên xác nhận còn nợ 240.000.000 đồng, còn ông H cho rằng số tiền 140.000.000 đồng của bà N thì ông H tự chứng minh cho lời trình bày của mình.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà VH buộc ông H chịu trách nhiệm trả số tiền vốn vay tổng cộng là 240.000.000 đồng theo quy định tại Điều 280, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa không có ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sư 2015 , vì vậy HĐXX không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định của nguyên đơn bà VH xét thấy biên nhận nhận tiền đề ngày 8/12/2020 giữa bà VH và ông H nội dung cũng không có ghi thỏa thuận mức lãi suất là bao nhiêu; bà VH cho rằng trước đó cho ông H vay bình quân đóng lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng, tính ra cũng khoảng 10%/năm nhưng phía ông H cũng không thừa nhận, tại biên bản đối chất không được bà VH cũng thừa nhận tại văn phòng Công ty TNHH TMDV LĐ do không làm thủ tục thế chấp tài sản là QSDĐ cho bà được nên mới làm biên nhận nhận tiền còn thiếu như trên, từ đó xác định giữa các bên chỉ xác nhận nợ với nhau chứ không có thoả thuận mức lãi suất cụ thể; tại phiên tòa bà VH yêu cầu xem xét lãi

chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính từ ngày 30/5/2021 cho đến nay theo lãi chậm trả nợ mà pháp luật quy định nên HĐXX xác định các bên giao dịch hợp đồng không thỏa thuận lãi suất, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 xác định mức tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa trả nợ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà VH như sau: Từ ngày 30/5/2021 đến ngày 09/6/2023 = 240.000.000 đồng x 10%/năm x 24 tháng 10 ngày = 48.667.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1, Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cáo về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị VH đối với ông Dương Vạn H.

Buộc ông Dương Vạn H chịu trách nhiệm trả cho bà Đàm Thị VH số tiền vốn và lãi tổng cộng là 288.667.000 đồng (Hai trăm tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Vạn H chịu án phí 14.433.000 đồng.

- Bà Đàm Thị VH không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005445, ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Về quyền kháng cáo: Bà Đàm Thị VH có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Dương Vạn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện PT;
-CCTHADS huyện PT;
-TAND tỉnh An Giang;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thành Thuận